TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2018
V/v "*tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phương Văn Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Thạnh.

2. Ông Trần Sĩ Trung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trần Chính T**, sinh năm 1986. (Có đơn xin vắng mặt)

Đăng ký thường trú: Số AS, khu vực X, phường CVL, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố A, thị trấn DĐ, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Chị **Phan Thị Thanh L**, sinh năm 1988. (Có mặt)

Địa chỉ: Số AS, khu vực X, phường CVL, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2018 và quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Trần Chính T trình bày: Vào năm 2007, anh và chị Phan Thị Thanh L sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TAvào ngày 01/3/2007.

Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên bất hòa về tình cảm nên thường xuyên cãi vã nhau. Anh đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 02 con tên Trần Chính H (nam), sinh ngày 25/7/2009 và Trần Chí T (nam), sinh ngày 12/02/2014. Anh T đồng ý ổn định cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu Chính H và Chí T đến trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Tại Bản tự khai đề ngày 02/5/2018, bị đơn chị Phan Thị Thanh L trình bày: Anh Trần Chính T và chị do quen biết nên tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường Thới An. Đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng hay bất hòa về tình cảm nên thường xuyên cãi vã nhau. Vì thương con chị cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Xét thấy không thể hàn gắn tình cảm nên anh T yêu cầu ly hôn, chị cũng đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con tên Trần Chính H (nam), sinh ngày 25/7/2009 và Trần Chí T (nam), sinh ngày 12/02/2014 hiện chị L đang nuôi dưỡng. Chị L yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu Chính H và Chí T đến trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án , Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với nguyên đơn anh Trần Chính T để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng anh T có đơn xin vắng mặt (Đơn xin vắng mặt đề ngày 12/6/2018 có sự chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang). Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được

nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn trình bày đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Trần Chính T và chị Phan Thị Thanh L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên anh T khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2007, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T mặc dù vắng mặt nhưng trong Bản tự khai ngày 03/4/2018, anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay bất hòa về tình cảm nên thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm nên anh yêu cầu ly hôn với chị L.

Về phía chị L, chị thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay bất hòa về tình cảm nên thường xuyên cãi vã nhau. Ngoài ra, anh T còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng. Nay chị không còn tình cảm gì với anh T nữa nên chị đồng ý ly hôn.

Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 con tên Trần Chính H (nam), sinh ngày 25/7/2009 và Trần Chí T (nam), sinh ngày 12/02/2014.

Hiện nay cháu Chính H và Chí T đang sống với chị L, khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung đến trưởng thành, anh T đồng ý; đồng thời, cháu Chính H có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị L.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện chị L đang nuôi dưỡng cháu Chính H và Chí T, chị L có đảm bảo cho các cháu các điều kiện về sinh hoạt và học tập cũng như đảm bảo cho sự phát triển T diện về mọi mặt của trẻ nên cần ổn định cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Chính H và Chí T đến trưởng thành là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu.

Mặc dù anh T không trực tiếp nuôi con nhưng pháp luật dành cho anh T quyền được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị L cho rằng hiện nay chị đang làm mua bán nhỏ, có thu nhập ổn định. Đồng thời, với mức thu nhập này cùng với sự giúp đỡ của cha mẹ chị thì chị có đủ khả năng nuôi dưỡng con chung nên chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị L cùng thừa nhận không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 57; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Chính T.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Chính T được ly hôn với chị Phan Thị Thanh L.

- Về con chung: Giao 02 cháu Trần Chính H (nam), sinh ngày 25/7/2009 và Trần Chí T (nam), sinh ngày 12/02/2014 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh T không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Chính T phải chịu số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng),* chuyển tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số 001840 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn sang thành tiền án phí (công nhận anh T đã nộp xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường Thới An,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phương Văn Chính